

**1. Khoản 3, Điều 4 được bổ sung như sau:**

“Riêng lịch giảng lâm sàng, Bộ môn tự xếp lịch trên phần mềm quản lý lâm sàng và xếp lịch trễ nhất 01 tuần trước khi sinh viên đi lâm sàng.”

**2. Khoản 3 và 4, Điều 5 được điều chỉnh như sau:**

“thang điểm chữ A, B, c, D, E”

**3. Mục a và b, Khoản 1, Điều 6 được điều chỉnh như sau:**

“Một năm học có 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.”

**4. Khoản 3, Điều 10 được điều chỉnh như sau:**

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

b) Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

c) Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên muốn đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu thì phải được sự đồng ý của Trưởng phòng Đào tạo đại học.”

**5. Điều 11 được điều chỉnh như sau:**

“1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận trong thời gian 2 tuần kể từ ngày học kỳ bắt đầu. Sau thời hạn này, học phần vẫn được giữ nguyên trong đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F (điểm 0) đối với học phần đó.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo đại học của Trường;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;

c) Không vi phạm số tín chỉ tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ.

Sinh viên chỉ được phép bỏ học lớp học phần xin rút bớt sau khi học phần đã đăng ký được xóa bỏ trên Hệ thống quản lý đào tạo.”

**6. Điều 13 được điều chỉnh như sau:**

“Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt kiểm tra, thi; SV phải viết đơn xin phép gửi Bộ môn trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện. Sinh viên gửi đơn về phòng Khảo thí đối với trường hợp hoãn thi kết thúc học phần lý thuyết.”

**7. Điều 15 được điều chỉnh như sau:**

“1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi phòng Công tác sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác; Trường hợp này, sinh viên phải học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới thông qua phòng Công tác sinh viên.

4. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Công tác sinh viên để xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác. Sinh viên xin thôi học được cấp bằng điểm kết quả học tập đã tích lũy. Sinh viên xin thôi học phải bồi hoàn kinh phí đào tạo cho Trường.”

### **8. Điều 16 được điều chỉnh như sau:**

“1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá 3 lần hoặc vượt quá 2 lần liên tiếp;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy.

3. Đầu mỗi năm học, Trường thành lập hội đồng xét cảnh báo học tập và buộc thôi học thành phần gồm đại diện Ban Giám hiệu, Lãnh đạo Phòng Đào tạo đại học, Công tác sinh viên, Khảo thí, đại diện Ban chú nhiệm khoa quản lý ngành, chuyên viên phụ trách điểm học phần.

a) Hội đồng tổ chức họp xét cảnh báo học tập và buộc thôi học sau mỗi học kỳ có biên bản thông qua.

b) Phòng Đào tạo đại học thông báo sinh viên trên trang thông tin của Trường và Hệ thống quản lý đào tạo;

c) SV được cảnh báo học tập liên hệ Phòng Đào tạo đại học để điều chỉnh đăng ký học phần cho phù hợp với năng lực; sv bị buộc thôi học phản hồi thông tin nếu có sai sót.

d) Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Phòng Công tác sinh viên phải thông báo cho gia đình nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan cử đi học (nếu có). Kết quả học tập đã tích lũy của sv bị buộc thôi học được bảo lưu và lưu trữ trên Hệ thống quản lý đào tạo.”

### **9. Điều 19 được điều chỉnh như sau:**

“1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu 02 điểm thành phần,

đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 và được làm tròn 01 số lẻ đến 0,1. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

2. Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thành phần bao gồm: điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hành, điểm đánh giá tự học,... và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các phương pháp, hình thức đánh giá điểm thành phần và trọng số của các điểm thành phần trên do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

Điểm đánh giá học phần được quy định như sau:

a) Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành chung:

- Điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hành, điểm đánh giá tự học: tối thiểu 30%. Trong đó, điểm kiểm tra thực hành là điểm kiểm tra bắt buộc của học phần.
- Điểm thi kết thúc học phần: không dưới 50%.

Sinh viên có thể thực hiện bài tập lớn (ví dụ: thực hiện viết một báo cáo nghiên cứu liên quan đến học phần/môn học) được đánh giá như kiểm tra thường xuyên hoặc kiểm tra thực hành. Sinh viên chỉ được tham gia kiểm tra thực hành 01 lần.

b) Đối với học phần chỉ có thực hành:

- Điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hành: tối thiểu 30%;
- Điểm thi kết thúc thực hành: không dưới 50%.

c) Đối với các học phần chính của ngành đào tạo (chuyên ngành) nếu có cả lý thuyết và thực hành thì đánh giá học phần được tính điểm học phần lý thuyết riêng, học phần thực hành riêng.

3. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành: sinh viên phải đạt kiểm tra thực hành (> 5,00 theo thang điểm 10) mới được dự thi kết thúc học phần. Đối với thời gian học lý thuyết: sinh viên vắng quá 25% tiết học không được dự thi kết thúc học phần. Đối với học phần thực hành, lâm sàng: Sinh viên phải tham dự 100% các giờ thực hành, lâm sàng. Điểm thực hành, lâm sàng có thể là điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành, lâm sàng. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

4. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra, cho điểm đánh giá bộ phận, coi thi, chấm thi theo quy định của Khảo thí. Bộ môn chịu trách nhiệm duyệt đề thi và cho điểm đánh giá thi kết thúc học phần.”

#### **10. Điều 20 được điều chỉnh như sau:**

“1. Sau thời gian tối thiểu 01 tuần kết thúc học phần, Trường tổ chức một kỳ thi để thi kết thúc học phần.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.”

## 11. Khoản 5 và 7, Điều 21 được điều chỉnh như sau:

“1. Điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo biểu mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi. Điểm học phần phải có chữ ký của trưởng hoặc phó phòng Đào tạo đại học (bản chính) và được lưu thành bản tệp điện tử dạng pdf ở 2 nơi: Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần. Điểm thi kết thúc học phần phải được công bố chậm nhất hai tuần sau ngày thi.

2. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi kết thúc học phần (hoãn thi), nếu được Phòng Khảo thí đồng ý, đối với học phần thực hành và lâm sàng tính điểm riêng việc hoãn thi phải được Bộ môn đồng ý; sinh viên được dự thi ở kỳ thi khác ngay sau học kỳ đó, điểm thi kết thúc học phần được ghi vào điểm sinh viên chưa thi.”

## 12. Điều 22 được điều chỉnh như sau:

“i. Điểm học phần được tính từ tổng điểm các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn tới một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Điểm chữ	Thang điểm 10
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	A	8,5-10
	B	7,0-8,4
	c	5,5-6,9
	D	4,0-5,4
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập)	E	Từ 5,0 trở lên
Không đạt	F	<4.0

Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

2. Việc xếp loại các mức điểm A, B, c, D, E, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá thành phần, kê cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả thi, đánh giá thành phần mà trước đó sinh viên được hoãn thi, kiểm tra;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

3. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 2 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi phải nhận mức điểm F.

4. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự thi, nhưng phải được phòng Khảo thí đồng ý;
- b) Sinh viên không thể dự kiểm tra đánh giá điểm thành phần hoặc thi thực hành vì những lý do khách quan, được Bộ môn chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra thành phần còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

5. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo đại học của Trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ Bộ môn chuyển lên.

6. Ký hiệu R được áp dụng trong trường hợp: điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D, P đối với những học phần được miễn học và công nhận tín chỉ, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình và có quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.”

### 13. Điều 23 được điều chỉnh như sau:

“1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;
- b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;
- c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK) là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã đăng ký trong học kỳ (*kể cả học phần điểm F, không bao gồm học phần điều kiện*) với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó.

3. Điểm trung bình năm học (ĐTBNH) là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã đăng ký trong năm học (*kể cả học phần điểm F, không bao gồm học phần điều kiện*) với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó.

4. Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (*kể cả học phần điểm F, không bao gồm học phần điều kiện*) với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó.

5. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4 như sau:

Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
A	4
B	3

c	2
D	1
F	0

Những điểm chữ không được quy định tại Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần điều kiện, học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Điểm trung bình học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả kết thúc học phần (phải đạt các học phần điều kiện). Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy để xét cảnh báo học tập, buộc thôi học.

6. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

xếp loại	Thang điểm 4
Xuất sắc	3,6-4,0
Giỏi	3,2 - cận 3,6
Khá	2,5 - cận 3,2
Trung bình	2,0 - cận 2,5
Yếu	1,0 - cận 2,0
Kém	<1,0

#### 14. Điều 24 được điều chỉnh như sau:

“1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được Trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuân đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (từ 2,0 trở lên);
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d) Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết ke của khóa học.

2. Trường thực hiện xét tốt nghiệp cho sinh viên 03 lần trong năm học dựa theo kế hoạch năm học và kế hoạch xét tốt nghiệp trong năm.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, trưởng và phó phòng Đào tạo đại học, các thành viên là các trưởng khoa / đơn vị chuyên môn, trưởng phòng Công tác sinh viên, trưởng phòng Tài chính kế toán và chuyên viên phụ trách điểm làm thư ký.

4. Căn cứ biên bản và đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

**15. Điều 25 được điều chỉnh như sau:**

“1. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa như sau:

<b>xếp loại</b>	<b>Thang điểm 4</b>
Xuất sắc	3,6-4,0
Giỏi	3,2 - cận 3,6
Khá	2,5 - cận 3,2
Trung bình	2,0 - cận 2,5
Yếu	1,0 - cận 2,0
Kém	< 1,0

Hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình đào tạo; ■

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

2. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh

hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

3. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận (bảng điểm) về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ I năm học 2021-2022, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2020 trở về trước.

**Điều 3.** Trường phòng Hành chính tổng hợp, Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường phòng Khảo thí, Trường các khoa, Trường các Bộ môn, Trường các Đơn vị và cá nhân liên quan thuộc trường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./,

g